Chuyên đề

TẬP QUÁN TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI KHMER NAM BỘ VÀ NGƯỜI CHĂM

TS.GVCC.NGUYỄN KHẮC CẢNH
PGS.TS.TRƯƠNG VĂN MÓN
KHOA NHÂN HỌC
TRƯỜNG ĐHKHXH-NV

TẬP QUÁN TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI KHMER NAM BỘ

TS.GVCC.NGUYỄN KHẮC CẢNH

A. KHÁI QUÁT
VỀ NGƯỜI KHMER NAM BỘ

1. Đôi nét về nguồn gốc và phân bố dân cư

- Người Khmer ở Nam Bộ (tên gọi khác: Cur, Cul, Cu Thổ, Việt gốc Miên, Khơ Me K'rôm) là bộ phận phân ly của người Khmer Căm-pu-chia di cư sang và trở thành một dân tộc (tộc người) thiểu số trong cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam.

- Theo số liệu thống kê 2009/2019: có 1.260.640/1.319.652 người (Sóc Trăng 397.314 người, chiếm 30,7% dân số; Trà Vinh có 317.203, chiếm 31,6%; Kiên Giang có 210.899 người; An Giang có 90.271 người; các tỉnh Bạc Liêu, Vĩnh Long, Tây Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh có 24.268 người).

- Ngôn ngữ: thuộc nhóm Môn-Khmer, ngữ hệ Nam Á – một hệ ngôn ngữ khá phổ biến ở Việt Nam và Đông Nam Á.

- Tổ tiên của người Khmer là một bộ phận của lớp cư dân cổ ở Đông Nam Á (người Nguyên Đông Dương - ProtoIndochine), sinh tụ ở vùng hạ Lào và đông bắc Căm-pu-chia ngày nay, đã tạo dựng nên quốc gia sơ kỳ với tên gọi **Bhavapura** mà thư tịch cổ Trung Quốc gọi là quốc gia **Chân-lạp (TK V-VI).**

- Từ cuối thế kỷ VII, sau sự tàn lụi của nền văn hoá Óc Eo và quá trình biển tiến, vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) nói riêng và Nam Bộ nói chung trở nên hoang vu.

- Từ thế kỷ thứ XII, biển đã rút dần, những giống đất cao thu hút người Khmer trốn chạy sự bóc lột hà khắc của các triều đại Ăng-ko đến cư trú, nhất là từ thế kỷ XV (1434), đế chế Ăng-ko sụp đổ rơi vào Thái Lan.

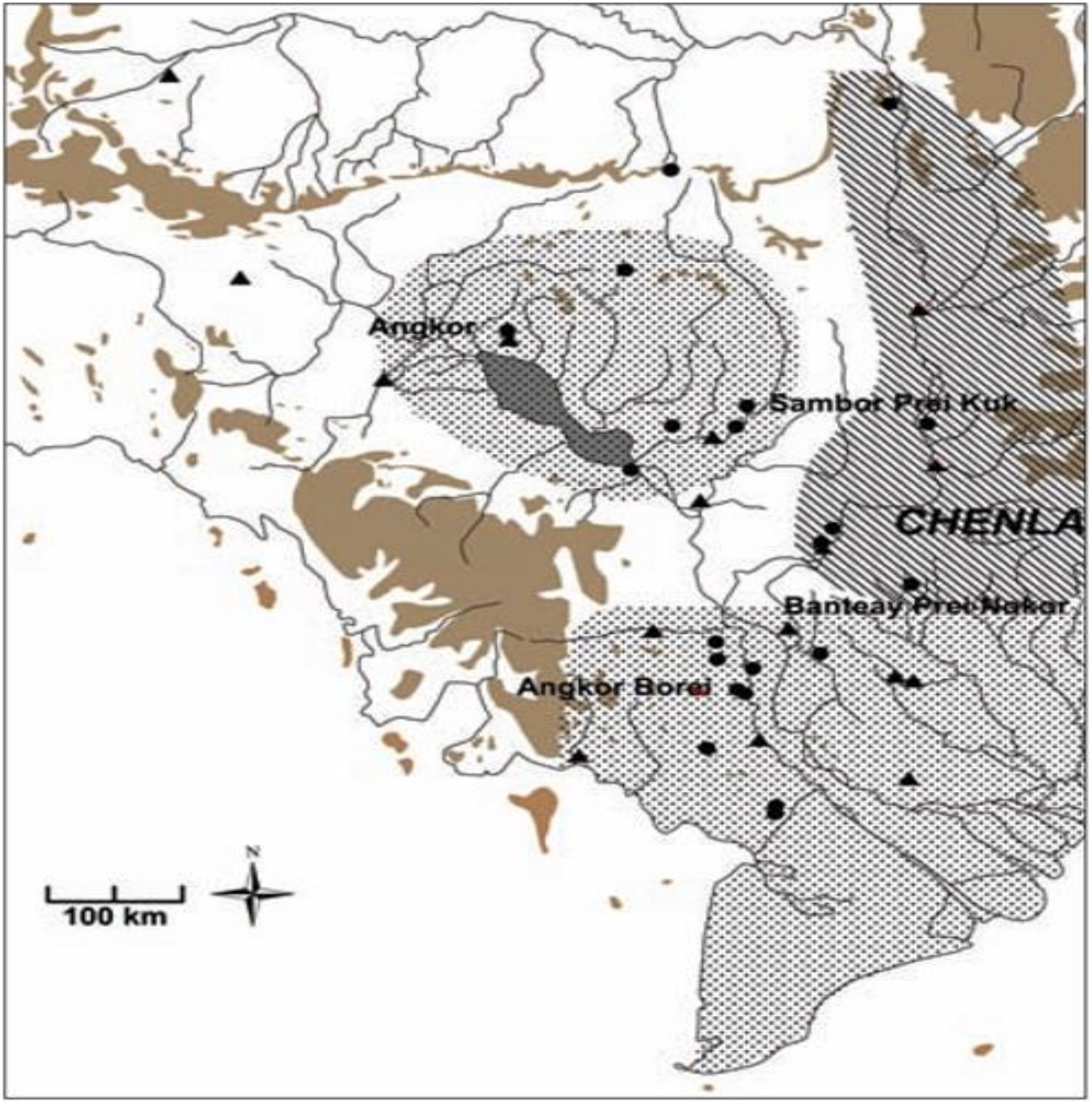
Angkor
Sambor Prei Kuk
CHENLA
Banteay Prei Nokor
Angkor Borei
N
100 km

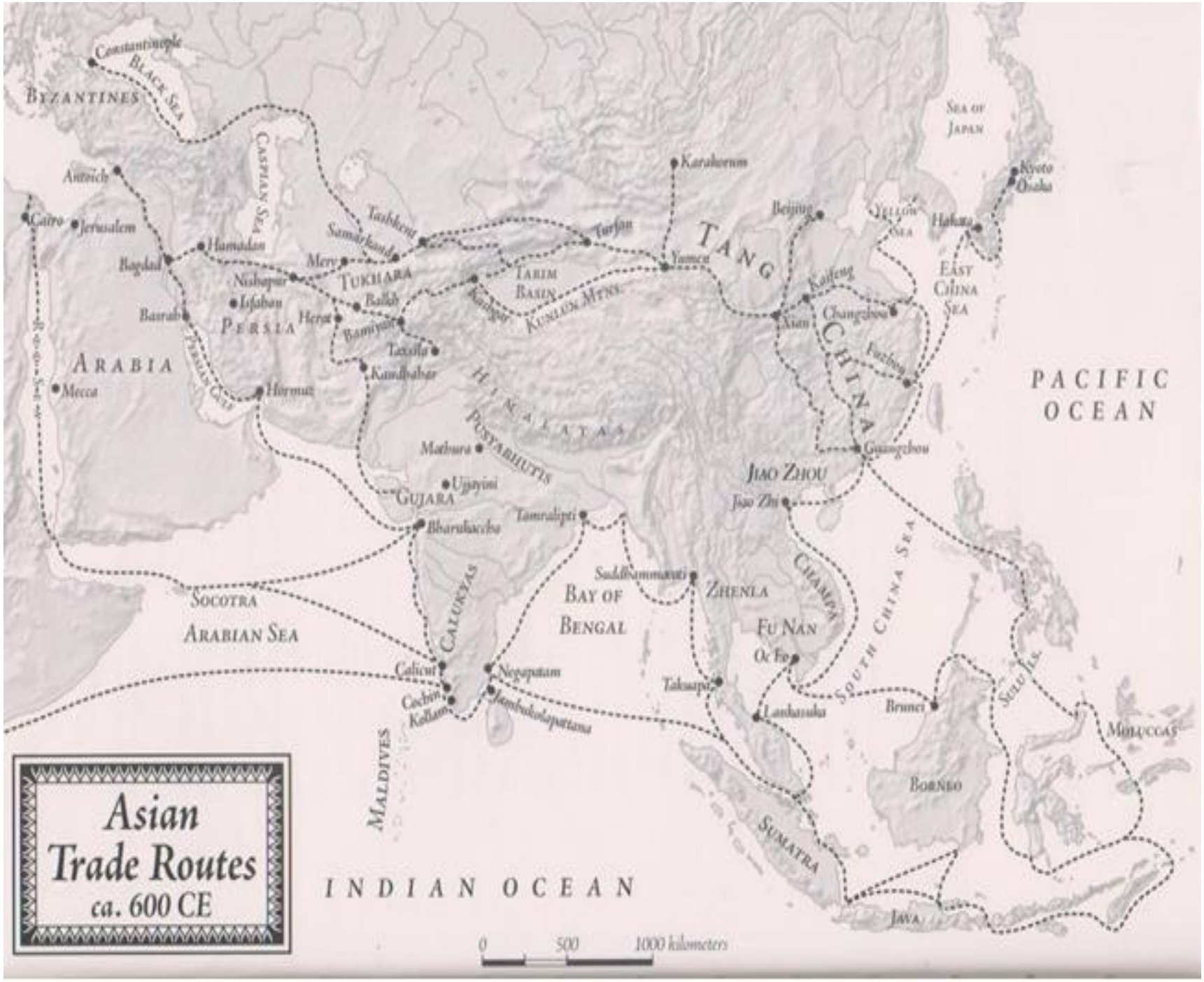
Asian
Trade Routes
ca. 600 CE
Constantinople
Black Sea
Byzantines
Caspian Sea
Antioch
Cairo
Jerusalem
Hamadan
Bagdad
Nishapur
Isfahan
Basrah
Persia
Persian Gulf
Arabia
Mecca
Hormuz
Merv
Tukhara
Samarkand
Tashkent
Balkh
Herat
Bamiyan
Taxila
Kandahar
Tarim Basin
Kashgar
Kunlun Mtns.
Turfan
Karakorum
Yumen
Tang
Beijing
Xian
Kaifeng
Changzhou
Fuzhou
China
Yellow Sea
Sea of Japan
Kyoto
Osaka
Hakata
East China Sea
Guangzhou
Jiao Zhou
Jiao Zhi
Pacific Ocean
Himalayas
Pusyabhutis
Mathura
Ujjayini
Gujara
Bharukaccha
Tamralipti
Calukyas
Socotra
Arabian Sea
Bay of Bengal
Suddhammavati
Zhenla
Champa
Fu Nan
Oc Eo
South China Sea
Takuapa
Lankasuka
Brunei
Sulu Is.
Moluccas
Borneo
Sumatra
Java
Calicut
Cochin
Kollam
Negapatam
Jambukolapattana
Maldives
Indian Ocean
0
500
1000 kilometers

- Đến cuối thế kỷ XV, đầu thế kỷ XVI người Khmer đã có mặt khá đông đúc ở ĐBSCL. Về đại thể lập thành ba vùng dân cư tập trung lớn: (1) Vùng ***Sóc Trăng – Bạc Liêu*** (chủ yếu ở *Sóc Trăng, Vĩnh Châu, Vĩnh Lợi*), (2) Vùng ***An Giang – Kiên Giang*** (chủ yếu ở *Vọng Thê, Tri Tôn, Nhà Bàng*, sau đó là tây-bắc Hà Tiên) và (3) Vùng ***Trà Vinh***.

- Vài gia đình trong mối quan hệ chặt chẽ về huyết thống quy tụ gần nhau tạo thành một đơn vị gọi là phum. Một số phum quần tụ xung quanh một ngôi chùa, tạo thành một điểm cư dân lớn hơn gọi là sóc (sork).

- Cho đến tận thế kỷ XVII, người Khmer Nam Bộ vẫn sống hoàn toàn khu biệt trong những đơn vị xã hội tự quản phum, sóc như thế mà không nằm dưới quyền kiểm soát của bất cứ quốc gia nào thời đó.

- Từ thế kỷ XVII trở đi, những lớp cư dân người Việt từ vùng Ngũ Quảng (chúa Nguyễn đàng trong) đến vùng Nam Bộ ngày càng nhiều. Đến năm 1698 nhà Nguyễn đã thiết lập một hệ thống chính quyền nhà nước ở đây. Với những chính sách mềm dẻo của triều Nguyễn, công cuộc nam tiến của người Việt đến tận vùng Cà Mau đã được hoàn tất vào năm 1757. Người Khmer ở Nam Bộ trở thành một bộ phận trong cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam từ đấy.

=> *Người Khmer Nam Bộ và người Khmer Căm-pu-chia là một tộc người (chung tiếng nói và văn hóa tộc người). Nhưng do sống tách biệt lâu dài, người Khmer ở Nam Bộ có những đặc điểm riêng về cư trú, kinh tế, văn hóa, xã hội. Trong ý thức tự giác dân tộc, người Khmer nhận biết và phân biệt dễ dàng giữa người Khmer miệt dưới (người Khmer ở Nam Bộ) với người Khmer miệt trên (người Khmer ở Căm-pu-chia).*

2. Người Khmer ở TP.HCM

Năm 1999: 4.755 ngöôøi Khmer ngöôøi, chieám tyû leä 0,09%, ñöùng thöù tö sau ngöôøi Vieät, ngöôøi Hoa, ngöôøi Chaêm. Nguồn gốc nhập cư ña daïng:

- Giai ñoaïn 1945 – 1954: lôùp nhaäp cö sôùm nhaát, haàu heát laø nhöõng ngöôøi ñaõ tham gia vaøo boä maùy haønh chính cuûa chính quyeàn ñöôïc chuyeån leân TP.

- Giai ñoaïn 1954 – 1975: laø giai ñoaïn nhaäp cö nhieàu nhaát vaø raûi raùc nhieàu ñôït. Phaàn lôùn laø nhöõng ngöôøi tham gia vaøo boä maùy chính quyeàn Saøi Goøn ñöôïc chuyeån leân thaønh phoá ñöa caû gia ñình theo; soá ít do laøm aên buoân baùn hoaëc ñi hoïc taïi caùc tröôøng ôû thaønh phoá hoaëc do laùnh naïn chieán tranh,

- Giai ñoaïn töø sau naêm 1975: Tröôùc heát laø nhöõng ngöôøi Khmer tham gia caùch maïng, taäp keát ra Baéc, trôû veà ñöôïc phaân coâng coâng taùc taïi TP.HCM vaø ñònh cö taïi Thaønh phoá.

. Nhöõng naêm 1976 – 1979 naïn dieät chuûng ôû Caêm-pu-chia, moät soá ngöôøi Caêm-pu-chia goác Vieät coù vôï laø ngöôøi Khmer chaïy veà laùnh naïn vaø ôû laïi nhaäp cö vaøo Thaønh phoá.

. Töø naêm 1986 ñeán nay ngöôøi Khmer nhaäp cö vaøo Tp.HCM ngaøy moät nhieàu: sinh vieân, hoïc sinh ñi hoïc; kinh teá thò tröôøng -> nhieàu ngöôøi Khmer töø caùc tænh ÑBSCL tìm caùch leân TP.HCM tìm kieám vieäc laøm vaø nhaäp cö.

- Soá löôïng ít, soáng raát raûi raùc phaân taùn taïi 18 quaän, huyeän (moãi nôi 100 hoä), khoâng taäp trung thaønh nhöõng khu ñoàng höông ñoâng ñaûo, ngoaïi tröø ôû 2 khu vöïc coù 2 ngoâi chuøa: ***Candaransì*** (Aùnh Traêng) ôû quaän III vaø chuøa ***Bodhivong*** (Doøng doõi Phaät) ôû quaän Taân Bình.

- Maëc duø cö truù phaân taùn vôùi soá löôïng nhoû, nhöng khoâng rôi vaøo söï ñôn leû taùch bieät thöôøng thaáy. Vôùi baûn tính hieàn laønh, sieâng naêng chòu khoù vaø soáng theo tinh thaàn trieát lyù Phaät giaùo, ngöôøi Khmer ñaõ sôùm taïo ñöôïc söï hoøa hôïp, thaân maät vôùi nhaân daân xung quanh.

- Taïi hai ngoâi chuøa Khmer laø ñieåm lieân laïc, gaëp gôõ, xum hoïp cuûa ñoàng baøo, nôi toå chöùc caùc leã hoäi truyeàn thoáng daân toäc haøng naêm cuõng laø nôi giôùi thieäu vaên hoùa Khmer vôùi nhaân daân

B. TẬP QUAN TRUYỀN THỐNG

1. Quan hệ thân tộc và dòng họ

* *Quan hệ thân tộc*

- Hệ thống thân tộc của người Khmer Nam Bộ không theo nguyên tắc đơn phương là phụ hệ hay mẫu hệ mà là hệ thống thân tộc ***không phân biệt tử hệ***. Trong cách tính dòng họ (descent), một cá nhân không coi mình thuộc một dòng họ bên cha hay bên mẹ mà tính theo cả hai phía.

- Heä thoáng thaân toäc naøy khoâng coù keát caáu chaët cheõ, khoâng taïo neân moät truyeàn thoáng truyền thöøa toäc hoï laâu ñôøi vôùi nhieàu ñôøi toäc tröôûng keá tieáp nhau, cuõng khoâng coù nhöõng cuûa caûi chung hay nhaø thôø hoï.

Quan heä vôùi EÂgo (Toâi)	Thuaät ngöõ goïi
- Cha cuûa cha (oâng noäi) vaø cha cuûa meï (oâng ngoaïi)ï	Chi ta
- Cha	AÂupuk
- Meï	Mñay
- Chò gaùi cuûa cha vaø chò gaùi cuûa meï, vôï cuûa anh trai cuûa cha vaø vôï anh trai cuûa meï.	Mñay thum
- Em gaùi cuûa cha vaø em gaùi của meï, vôï của em trai cuûa cha vaø vôï của em trai cuûa meï.	Ming
- Anh trai cuûa cha vaø anh trai meï, choàng cuûa chò gaùi cuûa cha vaø choàng chò gaùi của meï.	AÂupuk thum
- Em trai cuûa cha vaø meï hay choàng em gaùi cuûa cha vaø meï	Pu
- Anh, chò ruoät; Anh, chò hoï (ñôøi 1 - Chi ñoân mui); Anh, chò hoï (ñôøi 2 - Chi thuoát mui).	Bong
- Em ruoät; Em hoï (ñôøi 1 - Chi ñoân mui); Em ho ï(ñôøi 2 - Chi thuoát mui)	OÂn

- Khoâng coù söï phaân bieät giöõa doøng cha vaø doøng meï, thuaät ngöõ ñeå chæ moät ngöôøi beân phía cha hay phía meï, phía vôï hay phía choàng duø nam hay nöõ ñeàu laø moät.

- Teân goïi chò em cuûa cha gioáng teân goïi chò em cuûa meï vaø ñöôïc phaân bieät vôùi meï. Teân goïi anh em cuûa cha gioáng teân goïi anh em cuûa meï vaø ñöôïc phaân bieät vôùi cha.

- Hoï haøng theo quan heä hoân nhaân thì gioáng nhö thuaät ngöõ ñeå goïi vôùi nhöõng baø con huyeát thoáng töông öùng.

- Anh em hoï vaø anh em ruoät ñeàu ñöôïc goïi chung baèng moät thuaät ngöõ, döïa theo töông quan tuoåi taùc ñoái vôùi Ego chöù khoâng tính theo vai veá nhö

- Trong quan hệ hôn nhân: tồn tại các hình thức hôn nhân anh chị em họ chéo cũng như anh chị em họ song song, và cả hiện tượng hôn nhân chị em vợ và hôn nhân anh em chồng.

**** Dòng họ***

- Ng.Khmer ko đặt họ mà theo nguyên tắc phụ tử liên danh (tên cha thành họ); Châu/Chao=Chàng cho nam, Neang = nàng cho nữ.

- Nhà Nguyễn bắt theo 1 trong 5 họ: Thạch, Lâm, Danh, Sơn, Kim + Ảnh hưởng Việt, Hoa -> mang các họ Trần, Lý… Việc kê khai theo họ cha chỉ có ý nghĩa về mặt công dân.

- Ngày nay, do quaù trình hoân nhaân hoãn hôïp vaø giao löu vaên hoaù giöõa 3 daân toäc Vieät, Khmer, Hoa, tính chaát song phöông naøy ñang bieán ñoåi theo chieàu höôùng phuï heä hoùa.

2. Đời soáng gaén chaët vôùi ngoâi chuøa

- ***Từ sinh ra đến khi chết, cuộc sống của mỗi người dân Khmer đều gắn chặt với ngôi chùa***.

. Cö truù maät taäp theo quan heä huyeát toäc (Phum) xung quanh ngoâi chuøa. Rieâng vuøng ĐBSCL coù khoaûng 408 ngoâi chuøa. Moãi srok 1 chuøa/1600-2000 daân.

. Những luân lý đạo đức về "vô thường", "vô ngã, vị tha", "từ bi hỷ xả", "an lạc", "niết bàn", … thấm nhuần trong tâm thức mỗi người dân

-> soáng laø ñeå tích phöôùc cho kieáp sau.

- Sư sãi là hiện thân, hiện tiền của Phật, được tôn trọng tuyệt đối; không chỉ là người thực hiện sứ mệnh hóa đạo, mà còn là người định hướng, tổ chức, hướng dẫn những hoạt động tín ngưỡng, văn hóa, giáo dục, ... cho cộng đồng.

Khi coù söï xích mích, kieän tuïng xaûy ra giöõa caùc gia ñình, sö saõi ñöùng ra phaân xöû, hoøa giaûi. Ngöôøi beänh taät hay gaëp thieân tai, hoaïn naïn cuõng tìm ñeán caùc vò sö ñeå ñöôïc an uûi, giuùp ñôõ. Ñaùm cöôùi, ñaùm ma, nieàm vui, noãi buoàn cuûa moãi gia ñình ñeàu ñöôïc caùc vò sö tuïng kinh caàu phöôùc.

- Trong thường nhật, các công việc cá nhân như ma chay, cưới hỏi, làm nhà… đều chịu ảnh hưởng triết lý Phật giáo, luôn có sự tham gia trực tiếp hay hướng dẫn của các sư.

- Trong lễ hội văn hóa cộng đồng: khoảng 15 lễ hội/năm thì 10 lễ hội có nguồn gốc từ Phật giáo và do sư sãi đứng ra tổ chức trong khuôn viên các chùa với sự tham gia của cộng đồng.

- ***Chùa Khmer-nơi hội tụ và kết nối văn hóa truyền thống***

. Kiến trúc chùa (ngoài chánh điện thờ Phật) các công trình vừa gắn với việc tu học của sư sãi, vừa thiết thực phục vụ các hoạt động khác trong đời sống người dân, như: Sala (nơi hội họp), Thư viện, Phòng học, Khu tháp, lò hỏa táng…

=> Phục vụ ko chỉ các sinh hoạt tôn giáo thuần túy mà là nơi thực hiện các hoạt động văn hóa, giáo dục, đào tạo cho cộng đồng dân cư tại phum, sóc.

. Đặc biệt, ngôi chùa còn như ***ngôi từ đường chung*** của phum, sóc. Mỗi năm đến lễ Đôn-ta (30/8 âm lịch), dân trong phum sóc, dù có đi làm ăn xa cũng trở về chùa để lễ Phật và thắp hương tưởng nhớ tổ tiên. Một nét văn hóa đậm tính nhân văn mang dấu ấn đặc trưng của đạo đức Phật giáo. Ngôi chùa = *ngôi từ đường chung* = nơi cố kết, gắn bó người ra đi xa và người còn ở lại, giữa những người đã khuất và những người còn sống, giữa bao thế hệ cha ông và thế hệ cháu con.

- Chùa là trường học:

Quy định mang tính khế ước xã hội các bé trai phải vào chùa tu học (không cố định về thời gian), một phần là để báo hiếu cha mẹ, phần quan trọng nữa là tu học toàn diện để được cộng đồng coi là một người đàn ông trưởng thành.

Sau thời gian tu học, các vị sư có thể xuất tu, trở về với cuộc sống gia đình, mang những hành trang được trang bị trong trường chùa để phục vụ xã hội hay tiếp tục hiến dâng trọn đời vào việc tu học, để tiếp tục con đường giáo hóa, dạy dỗ các tín đồ Phật tử theo hạnh nguyện của một vị xuất gia.

- Chuøa cuõng laø moät thieát cheá vaên hoaù:

. Chuøa laø thö vieän, nôi löu giöõ caùc boä saùch coå vaø saùch Phaät.

. Chuøa cuõng laø baûo taøng myõ thuaät vaø lòch söû, nôi duy nhaát tröng baøy caùc taùc phaåm myõ thuaät cuûa caùc ngheä nhaân daân gian Khmer.

. Döôùi goùc ñoä ngheä thuaät, chuøa Khmer laø moät coâng trình kieán truùc, ñieâu khaéc ñaëc saéc.

. Chuøa cuõng laø nôi toå chöùc caùc leã hoäi daân toäc, caùc hình thöùc sinh hoaït vaên hoùa, vui chôi, giaûi trí, bieåu dieãn vaên ngheä… cuûa coäng ñoàng phum soùc.

=> Phật giáo Nam tông tạo nên đặc trưng văn hóa truyền thống, tác động đến mọi mặt trong đời sống xã hội của đồng bào Khmer.

Haàu heát moïi ngöôøi daân Khmer, töø khi sinh ra lôùn leân roài ñeán khi trôû veà caùt buïi, caû cuoäc ñôøi gaén boù vôùi ngoâi chuøa. Qua bao theá kyû, ngoâi chuøa ñaõ toàn taïi vöõng chaéc vaø aûnh höôûng to lôùn, chi phoái moïi sinh hoaït tinh thaàn vaø ñôøi soáng xaõ hoäi cuûa ngöôøi Khmer. Ñaëc bieät hôn, tröôùc nhöõng bieán ñoäng cuûa thôøi cuoäc vaø lòch söû, tröôùc söï xaâm nhaäp vaø taùc ñoäng chi phoái lôùn lao töø moïi phía beân ngoaøi, ngoâi chuøa trong moãi phum soùc nhö laø moät "thaønh trì" baûo veä, giöõ gìn voán vaên hoùa truyeàn thoáng cuûa daân

3. Tập quaùn lieân quan ñôøi soáng caù nhaân vaø gia ñình

3.1. Lieân quan sinh ñeû, nuoâi con:

- Sinh ñeû laø moät vieäc heát söùc heä troïng -> Môøi thaày cuùng (*kru*) ñeán ñoïc thaàn chuù (*manh akom*); buoäc chæ traéng chung quanh giöôøng naèm löûa cuûa saûn phu; vaïch chöõ thaäp baèng voâi ñoû leân coät nhaø, buoäc khuùc xöông roàng tröôùc cöûa nhaø ñeå xua taø ma vaø baùo cho ngöôøi laï bieát nhaø ñang coù ñieàu kieâng cöõ.

- Khi ñöùa treû troøn 1 thaùng tuoåi, ngöôøi Khmer coù tuïc laøm leã môû maét (*bôt phneâk*) vaø leã caét toùc traû ôn muï (*Pithi caêt soc boc-cok chhmop*).

- Khi ñöùa treû chæ bò beänh nheï -> laø do aên ôû khoâng phaûi vôùi doøng hoï neân bò *Arak Chua bua* (thaàn baûo trôï doøng hoï) quôû traùch -> vì vaäy phaûi cuùng ñeå caàu xin *Arak Chua bua* tha thöù cho ñöùa treû. Coøn khi bò beänh naëng thì ngöôøi Khmer quan nieäm do hoàn ñöùa treû phieâu dieâu hay bò ma quæ baét giöõ -> vì vaäy phaûi ñi

3.2. Tuïc xuaát gia ñi tu vaø vaøo boùng maùt

- Moïi ngöôøi con trai Khmer ñeàu phaûi vaøo chuøa tu hoïc. Ñi tu ñeå baùo hieáu vaø cuõng laø thôøi gian ñöôïc giaùo duïc ñeå trôû thaønh ngöôøi hoaøn thieän.

. Hoïc veà ***Chbaêp broâs*** (Luaät daïy con trai), moät loaïi giaùo huaán ca, daïy: phaûi sieâng naêng lo toan vieäc ruoäng nöông, bieát aên ôû phaûi ñaïo vôùi vôï con, giöõ ñieàu hoøa thuaän, traùnh xa nhöõng ñieàu xaáu nhö côø baïc, röôïu cheø..

. Thôøi gian tu hoïc am hieåu thuaàn thuïc ñaïo lyù, thoâng thaïo chöõ nghóa ñöôïc xaõ hoäi Khmer troïng voïng vaø ñöôïc lieät vaøo haøng nguõ tri thöùc Khmer; laø moät daáu hieäu tröôûng thaønh ñeå böôùc vaøo hoân nhaân.

- Coøn ngöôøi con gaùi, khi thaønh thieáu nöõ (laàn coù kinh nguyeät ñaàu tieân) ñöôïc caùch ly vôùi xaõ hoäi khoaûng 3 hoaëc 6 thaùng, goïi laø thôøi kyø vaøo boùng maùt.

. Trong thôøi gian vaøo boùng maùt: khoâng ñöôïc ra khoûi nhaø (thaäm trí laø ôû moät phoøng rieâng), khoâng tieáp xuùc vôùi nam giôùi; kieâng cöõ vaø chæ aên thöùc aên töø nguõ coác vaø hoa quaû.

. Ñöôïc hoïc haønh veà nöõ coâng gia chaùnh, hoïc ***Chbap sraây*** (Luaät con gaùi), cuõng laø moät loaïi gia huaán ca, daïy veà caùch aên ôû, öùng xöû cuûa ngöôøi con gaùi khi laáy choàng.

3.3. Lieân quan ñeán hoân nhaân

- Khuyến khích kết hôn trong dòng họ để bảo tồn của cải (ruộng đất) và kết thêm tình thân. Mùa cưới mùa khô, trước tết vào năm mới *(Chôl chnăm thmây),* kiêng không làm đám cưới vào mùa nhập hạ (*chôll vossa*) của sư sãi (từ 15-6 đến 15-9 âm lịch). Lễ cưới ở nhà gái nhưng do nhà trai tổ chức và chịu chi phí.

- Kể từ khi mai mối đến lễ cưới gồm ba giai đoạn:

*** Giai đoạn trước lễ cưới**, gồm 3 lễ: Lễ mai mối *(Si sla đok);* Lễ dạm hỏi (*Si sla kanh sêng*); Lễ xin cưới (*Si sla banh cheak peak*).

*** Giai đoạn làm lễ cưới** trong 3 ngày với rất nhiều lễ thức.

1. Ngày nhập gia (thngay chol-rôn): nhà gái cúng khấn báo với tổ tiên về việc cho con gái đi lấy chồng; nhà trai cử người qua nhà gái dựng rạp *(son rôn),* dựng bàn thờ và trang trí phòng cưới; Cắt bông cau…

2. Ngày cưới (Thngay Si Com-not) là ngày chính với các lễ thức**:** ***(a)*** Lễ đưa chú rể sang nhà gái (*He phle chhô);* ***(b)*** Múa mở cổng rào *(Răm bơt rô-bon)*; ***(c)*** Lễ cắt tóc *(Pithi căt soc);* ***(d)*** Lễ trình diện *Neak ta;* ***(e)*** Lễ nhuộm răng *(Pithi th'vơ th'mênh);* ***(f)*** *Lễ mở buồng hoa cau (Pithi căt ph'ca sla);* ***(i)*** Lễ cột chỉ tay *(Pithi choong đay*)…

3. Ngày lễ lạy (Pithi Sampa): ***(a)*** Lễ đón lấy giờ tốt *(Pithi Dôk pêhea*); ***(b)*** Lễ múa vén màn *(Răm bớt văn nônh)* là nghi thức công nhận cô dâu, chú rể chính thức là vợ chồng của nhau; ***(c)*** Lễ xoay đèn Pô pil *(Bon vêl Pô pil)* để cầu mong cho họ sớm có con cái; ***(d)*** Lễ cột chỉ tay *(Pithi chon đay)* chung*;* ***(e)*** Lễ múa cuốn chiếu *(Răm sa kanh-têl*); ***(f)*** Lễ chung mùng *(phsom đom-nêk*)

* **Giai đoạn sau lễ cưới:** đôi vợ chồng trẻ vào chùa dâng hoa để được chúc phúc và quay về chào bố mẹ họ hàng nhà trai, trước khi bước vào đời sống vợ chồng dài lâu bên nhau.

3.4. Lieân quan ñeán tang ma

- Tang ma tieáng Khmer goïi laø *Boânsaâp,* chòu aûnh höôûng saâu saéc cuûa Phaät giaùo

. Ngöôøi cheát khoâng theå tröïc tieáp thuï höôûng nhöõng ñoà cuùng teá maø phaûi hoài höôùng qua sö saõi thì ngöôøi cheát môùi nhaän ñöôïc -> laøm phöôùc cuùng döôøng vaøo chuøa vaø cho caùc sö ñeå nhöõng cuûa caûi ñoù seõ nöông theo höông khoùi vaø nhöõng lôøi kinh cuûa caùc sö maø tôùi theá giôùi beân kia. Con chaùu cuùng vaøo chuøa caøng nhieàu thì oâng baø, cha meï ñaõ khuaát caøng ñöôïc sung söôùng. Vì vaäy, trong tang ma, thôø cuùng, trong moïi leã tieát, ñeàu coù söï hieän

- ***Khi laâm chung***: laäp moät baøn thôø Phaät ñaët ôû ñaàu giöôøng môøi sö hoaëc oâng *Achar Yuki* (ngöôøi thoâng thaïo veà coâng vieäc tang leã) ñeán ñoïc kinh ñeå ngöôøi ngöôøi saép cheát ra ñi ñöôïc thanh thaûn.

- ***Khi ñaõ vónh vieãn ra ñi***: oâng *Achar Yuki* boû moät ñoàng baïc vaøo mieäng ngöôøi cheát (töông töï leã phaïm haøm cuûa ngöôøi Vieät); lau röûa thi theå baèng nöôùc thôm (goät röûa moïi toäi loãi nôi traàn tuïc) vaø maëc quaàn aùo môùi cho ngöôøi cheát (töông töï leã moäc duïc cuûa ngöôøi Vieät) roài phuû kín baèng vaûi traéng (goïi laø *rumsaâp*); duøng chæ buoäc thi theå ôû 3 vò trí laø coå, coå tay vaø coå chaân (cha-meï, vôï (choàng)-con caùi vaø cuûa caûi (goïi laø *chon nong pram prokar*); ñaët moät naûi chuoái xanh treân buïng thi haøi (ñôøi ngöôøi cuõng nhö caây chuoái khi keát traùi cuõng laø luùc keát thuùc, vì vaäy soáng cheát laø leõ ñöông nhieân).

- *Quaøn*: Môøi sö saõi ñeán tuïng kinh, vaåy nöôùc thôm khaép nhaø ñeå taåy röûa nhöõng ñieàu xui xeûo (goïi laø *oy poâr tuõk*); treân thaép ñaët 3 caây ñeøn caày lôùn chaùy lieân tuïc [töôïng tröng: Ñöùc Phaät chöùng giaùm (*Preh puth*), ñaïo ñöùc trong sach (*Preh tho*), loøng chaân tu höôùng theo Ñöùc Phaät (*Preh soong*)] chöùng giaùm cho ngöôøi quaù coá nguyeän veà vôùi Tam baûo.

- *Hoûa thieâu:* ñeå tieâu tröø moïi toäi loãi, phaàn xaùc tieâu tan nhanh ñeå linh hoàn mau choùng trôû veà vôùi vuõ truï (Brama)ï.

. Khi löûa chaùy leân cao, sö laøm leã xuoáng toùc cho ngöôøi con trai (chaùu trai) xuaát gia baùo hieáu cho ngöôøi quaù coá.

- *Keát thuùc*: leã caàu sieâu cho ngöôøi cheát vaø caàu phöôùc cho gia chuû (*Onhisegâch*)

4. Tập quaùn lieân quan thôø cuùng

4.1 Thờ cúng arăk, neakta để nhờ bảo hộ

* ***Arăk*** biểu hiện dưới nhiều loại hình: *arăk* bảo hộ dòng họ (*arăk chua bua), arăk* bảo hộ nhà (*arăk fteh*), *arăk* bảo hộ gia đình (*arăk phtan*), *arăk* bảo hộ khu đất ở (*arăkp phum*), *arăk* bảo hộ ruộng rẫy (*arăk viel*), *arăk* trấn giữ rừng (*arăk prei*)...vv.

Arăk bảo hộ dòng họ (*arăk chua bua)* đặc biệt quan trọng -> Vài ba năm một lần các dòng họ tổ chức cúng *arăk chua bua,* vào khoảng tháng ba hay tháng tư âm lịch, để tạ ơn các *arăk* đã phù hộ cho mọi người mạnh khỏe, người đau ốm được khỏi bệnh.

*** *Neakta*** là vị thần bảo vệ con người, mùa màng. Thờ cúng *neakta* bằng các miếu, bên trong đặt một vài viên đá. Có nhiều loại *neakta*, nhưng quan trọng hơn cả là *neakta* chủ sóc *(neakta mechas srok)* và *neakta* chùa *(neakta watt)*. Hàng năm cúng *neakta* vào khoảng tháng tư dương lịch với ý nghĩa cầu an cho mưa thuận gió hòa, mùa mang bội thu.

4.2 Thôø cuùng toå tieân: khoâng laäp baøn thôø toå tieân taïi gia, nhöõng nôi trang troïng nhaát thôø Phaät. Tro coát göûi vaøo chuøa vaø ñem ñoà cuùng vaøo chuøa cuùng daâng leân ñöùc Phaät vaø caùc sö saõi.

- Daâng côm, baùnh traùi vaø vaät duïng cho sö saõi thöôøng laøm 6 laàn hoaëc 2 ñeán 4 laàn vaøo muøng 8, 15, 23, 30 aâm lòch haøng thaùng, ñeå giaùn tieáp ñöa ñeán nhöõng ngöôøi thaân ôû theá giôùi beân kia vaø nhôø theá tích nuùi phöôùc ngaøy caøng cao.

. Ñaùm phöôùc daønh rieâng ñeå töôûng nhôù, caàu sieâu cho oâng baø, cha meï ñaõ khuaát thöôøng thaáy laø: *leã daâng phöôùc, leã gioã, leã cuùng oâng baø, leã caàu sieâu.*

4.3. TN bùa chú:

Vật thể có nguồn gốc tự nhiên hoặc nhân tạo, kết hợp với chú ngữ, thông qua nghi lễ để vật ấy tiếp nhận sức mạnh từ thế lực siêu nhiên, giúp đối tượng sử dụng đạt được mục đích đặt ra từ trước

. Bùa hộ thân và bùa trị bệnh: phổ biến là loại dây được tết bằng chỉ đỏ hoặc chỉ ngũ sắc, đeo vào cổ hoặc tay của trẻ em hoặc thai phụ; bùa khắc trên tấm chì mỏng (Kà-tha), trên khăn vải, hoặc xăm lên người, ẩn kim cương, hột xoàn, kim vàng vào một số bộ phận nhất định trên cơ thể -> tránh sự quấy phá của ma quỷ…

. Bùa kinh doanh: tạo ra sự may mắn, thịnh vượng, giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh buôn bán.

. Bùa dục tình:

+ Dùng sáp, dầu thơm đã được sên chú thoa vào mặt, tóc khi tiếp xúc với đối tượng;

+ Bùa mê, cho đối tượng uống nước thuốc được luyện theo phương pháp bí truyền gọi là "tình dược"; hoặc uống nước than tro của lá bùa (lá bùa ấy có máu của mình); hoặc học thuộc bài chú mà pháp sư dạy, sau khi đọc thầm thì tìm và bắt chuyện với đối tượng, sao cho họ là người đầu tiên mà mình tiếp xúc kể từ lúc đọc thầm bài chú.

. Bùa thư yếm: đưa các vật thể lạ vào người đối phương (tóc, kim, da trâu, v.v.); dùng ảnh hoặc hình nhân mô phỏng đối phương; hoặc yếm quỷ vào người đối phương… Thư yếm là loại bùa "tổn đức", "tổn thọ"

. Bùa giải trừ: là hoá giải hay làm vô hiệu hoá bùa chú mà người khác đã thư yếm lên cơ thể người bị trúng bùa.

Bùa giải được sử dụng cho hai trường hợp: giải thư yếm, giải bùa dục tình.

5. Tập quaùn lieân quan ñôøi soáng coäng ñoàng (Lễ hội)

* Lễ hội vừa mang màu sắc tôn giáo, vừa mang đặc trưng nông nghiệp lúa nước và gắn với ngôi chùa. Có ba lễ hội lớn và đặc trưng: Lễ vào năm mới *(Chol chnam thmay),* Lễ cúng ông bà *(Dol ta)* và Lễ cúng trăng *(Ok om bok).*

1. Chuôl Chnam Thmay:

- Là tết mừng năm mới vào 13,14,15 tháng tư dương lịch (tháng "chét" của lịch Khmer), thời điểm hết mùa khô và vào mùa mưa – mùa sản xuất nông nghiệp bắt đầu = lễ hạ điền

- Thường làm bánh tét (*num chruk* hay *num anhsom*), bánh ít (*num tiênh/num kôm*), bánh gừng (*num khnhây* – bánh bột nếp pha đường, nặn hình củ gừng rồi chiên vàng), bánh bò (*num akâu*) và các loại mứt…, vào chùa cúng Phật và dâng cho các vị sư. Mọi nghi thức lễ đều diễn ra trong khuôn viên chùa.

-> các gia đình thường ở trong chùa vừa để làm công quả, vừa để dự lễ, vui chơi, ăn uống.

- ***Giao thừa***: đốt đèn, thắp hương làm lễ tiễn "Têvôđa" cũ và đón "Têvôđa" mới (vị tiên trên trời xuống để chăm lo đời sống người dân, mỗi năm lại thay một vị).

- ***Ngày thứ nhất (Chuol Sangkran Thmay)*** nghĩa là "bước đi": tắm gội sạch sẽ, mặc quần áo đẹp, mang nhang đèn, lễ vật đến chùa rước "Maha sangkran" (quyển đại lịch) mới đi vòng quanh chính điện ba lần để chào đón năm mới, sau đó vào chùa lễ Phật, tụng kinh mừng năm mới và nghe sư sãi thuyết pháp.

- ***Ngày thứ nhì (Thngay Von-boch)*** nghĩa là "thiếu hoặc thừa": dâng cơm sớm và trưa cho các vị sư; chiều làm lễ đắp núi cát Ween-chong-ham -> ngăn trở ma quỷ, điều xấu; tích phúc ngày một cao vời, lớn lao như núi và lan dần khắp bốn phương, tám hướng.

- ***Ngày thứ ba (Thngay Lơn-săk)*** nghĩa là "tăng lên" (ngày thêm tuổi): sau khi dâng cơm cho sư, làm lễ tắm Phật và tắm cho các vị sư cao niên (rửa sạch những cái cũ để bước sang năm mới may mắn).

* Trong lễ tết Chol Chnam Thmay, tổ chức nhiều cuộc vui văn nghệ với các điệu dù kê, rô băm, múa lâm thôn,... tại sân chùa và ***đua ghe ngo,*** một nét đặc trưng của văn hóa dân tộc Khmer.

Đắp núi cát là một nghi thức quan trọng của Tết năm mới Chôl Chnăm Thmây. Ảnh soctrang.dcs.vn.

2. Lễ cúng ông bà (Phithi sen Dolta)

- "Sen Dolta" nghĩa là "cúng ông bà". "Sen" (cúng) là một lễ thức không thể thiếu trong đời sống tâm linh với mục đích vừa nhớ ơn ông bà, cha mẹ, vừa cầu phước cho linh hồn những người đã chết. Nhằm vào 2 đối tượng là hồn linh những người đã chết có quan hệ huyết thống với mình và những người có công tạo lập, bảo vệ cộng đồng dân tộc.

- Lễ Sen Dolta kéo dài từ ngày 16 đến 30/8 âm lịch hằng năm. Có 2 dạng thức: *Sen Dolta* tại nhà, mang màu sắc tín ngưỡng dân gian và *Phchumbinh* (nghĩa là hội cơm nắm) tại chùa, mang màu sắc tôn giáo, với 04 lễ thức chính tại Chùa và tại mỗi nhà, đó là:

. Lễ đặt cơm vắt (Banh canh banh)

. Lễ cúng ông bà (Banh Sen Dolta)

. Lễ hội (Banh phchum banh)

. Lễ tiễn ông bà (Banh chuônh Dolta)

**** Dạng thức Phchumbinh là Lễ đặt cơm vắt (Banh canh banh) tại chùa***

- Tổ chức từ 16 đến cuối tháng 8 âm lịch, lúc đã hoàn tất phần cày cấy cho vụ lúa mùa -> thành lễ hội chung của phum sóc, nhờ sư sãi tụng kinh cầu nguyện cho vong linh những người thân ở cõi vĩnh hằng, để tỏ lòng báo hiếu và tri ơn ông bà tổ tiên.

- Các vị *Acha* phân công từng nhà, hoặc từng tổ (vênh) thay phiên nhau đem gạo nếp, thực phẩm, nhang đèn, tiền bạc… về Chùa nấu nướng và cúng liên tục thời gian 15 ngày. Mỗi ngày nấu nhiều mâm cơm, có một mâm cơm được vắt thành từng viên tròn (*bai banh*) cùng với bánh trái, thức ăn…đem lên nhà hội (*sa la*) cúng Tam Bảo, có sự chứng kiến, tụng kinh nhằm cầu phước của sư sãi cho linh hồn những người trong họ tộc đã quá cố. Sau đó đem cơm vắt ra ngoài cúng cho cô hồn, ma quỷ.

* ***Dạng thức Sen Dolta tại nhà***

Ngày nay, người Khmer tổ chức Sen Dolta tại nhà trong ba ngày, từ 29/8 -> 1/9 âm lịch:

- Ngày thứ 1: Lễ cúng ông bà (Banh Sen Dolta) là ngày cúng tiếp đón.

. Mỗi gđ dọn nhà, làm mâm cúng, mời họ hàng thân tộc cúng, khấn mời linh hồn ông bà về. Người chủ hộ khấn vái ba lần, mỗi lần rót trà, rượu và gắp thức ăn mỗi thứ một ít vào chén;

. Đem ít đồ cúng ra sân để cạnh hàng rào nơi sạch sẽ, đốt nhang mời ma quỷ đã dẫn dắt ông bà họ về cùng ăn.

. Đến chiều, mọi người ăn mặc tươm tất, tiếp tục dọn mâm cơm mới cúng ông bà, rồi mời linh hồn ông bà cùng đến chùa nghe sư sãi tụng kinh cầu siêu và thuyết pháp.

. Các vị ***achar*** lấy những nắm cơm vắt trên mâm cúng Tam bảo đem ra ngoài để chung quanh chính điện cúng cho những vong hồn cô đơn, không có con cháu.

- Ngày thứ 2: Lễ hội (Banh phchum banh) là ngày cúng chính. Vào buổi trưa, bà con Khmer chuẩn bị mâm cơm cùng bánh, trái… mang vào chùa để tổ chức cúng chính (cúng tập thể).

. Sau khi được các vị sư tụng kinh cầu siêu cho tất cả các linh hồn ông bà của tất cả mọi nhà trong phum sóc, bà con Phật tử trong phum sóc cùng ăn, trao đổi kinh nghiệm trong công việc đồng áng và vui chơi tại chùa.

. Buổi chiều, rước linh hồn ông bà về nhà, làm mâm cơm mới cúng ông bà và mời ông bà ở lại chứng kiến cuộc sống sung túc của con cháu.

- ***Ngày thứ 3:*** Lễ tiễn ông bà (Banh chuônh Dolta) là ngày cúng tiễn (có điều kiện mời sư tới tụng kinh). Mỗi gia đình đều làm một chiếc thuyền bằng bẹ chuối – dài từ 5 đến 7 tấc, trang trí cờ phướn màu sắc rực rỡ. Sau khi nấu mâm cơm thịnh soạn, họ bới 4 chén cơm gắp thức ăn mỗi thứ một ít vào chén. Sau khi khấn đủ ba lần, mang ra đặt trên thuyền, cùng với lúa, gạo, muối, đậu, bánh trái… người chủ gia đình đem thả trên sông hoặc kênh rạch, mé ruộng gần nhà, nhằm đưa tiễn ông bà và ma quỷ cùng trở về âm phủ. Sau đó, tập trung về nhà cùng quây quần ăn uống vui chơi với gia đình, họ hàng, bè bạn kết thúc lễ.

* Trong lễ Dolta thường tổ chức đua bò rất sôi nổi -> nông nghiệp lúa nước.

Dâng cơm vào chùa tổ chức cúng chính (cúng tập thể)

Các vị chư tăng tụng kinh cầu siêu cho những người đã khuất theo nghi lễ truyền thống Sene Dolta. Nguồn baosoctrang.org.vn

***3. Lễ đút cốm dẹp (Ok om bok) - Lễ cúng trăng (*Thvay Preah Khe)**

- Ngày rằm tháng 10 âm lịch, kết thúc vụ mùa, cúng trăng -> tạ ơn mặt trăng, vị thần bảo vệ mùa màng; tưởng nhớ đến thỏ là kiếp trước của Đức Phật; đưa tiễn mùa mưa, chào đón mùa khô.

- Đúng đêm 15/10 (âm lịch), khi mặt trăng lên tới đỉnh đầu, mọi thành viên tập trung ở khuôn viên chùa hay trong sân của mỗi gia đình. Lễ vật cúng: bánh kẹo, dừa, khoai, đậu… và một lễ vật đặc biệt không thể thiếu đó là cốm dẹp.

- Cúng xong, người lớn tuổi thường gọi trẻ em đến đút cốm cho ăn và hỏi các em muốn gì -> câu trả lời của trẻ em sẽ linh ứng với những gì sẽ xảy ra trong năm tới.

- Cùng thưởng thức những thức cúng và tổ chức thả đèn nước/ thả đèn gió: đọc kinh tưởng nhớ tới Đức Phật và xin lỗi đất và nước vì đã làm ô uế; rước đèn và thả xuống kênh rạch gần chùa (khi đèn được thả xuống nước, trẻ em tranh nhau giành các lễ vật cúng để lấy phước). Đèn gió 2 loại: vuông và tròn (tròn phổ biến hơn) -> đèn mang đi tai ương, rủi ro bất trắc để phum sóc yên bình.

- Theo phong tục cổ truyền, sau lễ cúng Trăng là tục đua ghe ngo. Đây là nghi thức truyền thống tiễn đưa thần nước sau mùa gieo trồng về với biển cả, cũng là nghi thức tôn giáo tưởng nhớ thần rắn Nagar xưa biến thành khúc gỗ để đưa Phật qua sông.

(1) Đút cốm dẹp (Ok om bok): lễ thức nông nghiệp, gắn với việc canh tác lúa. Chuôl Chhnăm Thmây đầu mùa mưa, bắt đầu xuống đồng -> *"lễ hội hạ điền";* Ôc Ombok vào Rằm tháng Mười hết mùa mưa là *"lễ hội thượng điền",* lễ cơm mới ;

. Rằm tháng Mười lúa/nếp đã cứng hạt, sắp thu hoạch. Ôc Ombok -> Ăn Cốm dẹp khi lúa/nếp vừa chín tới.

. Lễ vật truyền thống gồm các đặc sản nông nghiệp như lúa, nếp, khoai, bắp hoặc trái chín đầu mùa mới thu hoạch, được chế biến thành nhiều thức ngon, trong đó cốm dẹp là thức truyền thống không thể thiếu.

. Nguyên ủy của cốm: trước khi gặt phải cúng, lúa gặt ướt sũng, không có thời gian để phơi khô -> đem rang (có hạt nổ như bỏng/nổ) rồi giã nhẹ để tách vỏ.

Giống như bánh mì ở châu Âu được "thánh thể hóa" trong văn hóa Cơ Đốc, gạo là thức ăn chính ở châu Á, cũng mang ý nghĩa tượng trưng và thuộc về nghi lễ. Cơm/gạo là "Hạt ngọc của Trời" có nguồn gốc thiêng liêng, tinh khiết nguyên sơ. Cốm làm từ nếp, một thứ gạo có phẩm chất cao, hàm chứa tất cả các ý nghĩa biểu trưng thiêng liêng đó.

. Cúng trăng (Thvay Preah Khe): trăng biểu tượng cho tính tuần hoàn và đổi mới, biểu trưng cho sự biến đổi và sinh trưởng. Với người Khmer trăng vừa là biểu hiện cho thời gian (lịch), vừa là biểu trưng cho sự hiền dịu đem lại nhiều lợi lạc cho con người.

Theo cách ghi nhận của Hôna, vào lúc 0 giờ đêm rằm tháng 10, bóng của cây trụ trồng thẳng đứng trước sân không xê dịch một bên. Đó là thời điểm kết thúc chu kỳ của mặt trăng quay quanh trái đất. Một "năm cũ nông nghiệp" đã đi qua, bàn giao cho năm mới. Đó là dịp để bà con tạ ơn Thần Trăng, vị thần luôn lo việc thời tiết giúp bà con trồng trọt được mùa

. *Thả đèn gió, đèn nước:* tống tiễn nước/ mùa mưa/ tối tăm và ánh sáng, tạnh ráo đã chiến thắng.

=> Ôc Ombok có ý nghĩa kép: lễ hội nước và ánh sáng. Ôc Ombok vừa nhằm cầu mong điều lợi lạc vừa có tính giải trừ các thế lực của bóng tối và mưa đúng vào lúc bóng tối và mưa bị thay thế bởi ánh sáng và khô tạnh.

(2) Cúng trăng (Thvay Preah Khe) *theo ý nghĩa Phật giáo*

. Khi Phật giáo du nhập lễ Ôc Ombok có thêm một tên mới Cúng Trăng *(Thvay Preah Khe/chan)* với cách cắt nghĩa mới: tưởng nhớ đến Phật, trong tiền kiếp là một con thỏ vị tha, được thần Preah In (Indra/ Đế Thiên/ Đế Thích) vẽ hình lên mặt trăng.

. Trong ngữ cảnh văn hóa Phật giáo Nam Tông, các văn hóa bản địa Khmer đều được cải đổi theo định hướng của tôn giáo toàn dân này. Đây là một trường hợp điển hình về sự Phật giáo hóa các dạng thức văn hóa Khmer Nam Bộ. Nói cách khác, đây là một ví dụ cho thấy ảnh hưởng của Phật giáo Nam Tông đối với văn hóa Khmer Nam Bộ.

Đua ghe ngo là một trong những hoạt động nhân Lễ hội Óoc-om-bok hằng năm. Nguồn baosoctrang.org.vn

CẢM ƠN
ĐÃ LẮNG NGHE